

Bản án số: 09/2023/HN&GD - ST

Ngày: 27/3/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;
2. Ông Nguyễn Bá Quyền.

Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà:
Ông Ngô Quốc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 286/2022/HN&GD - ST ngày 15/11/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST, ngày 10/02/2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 05/QĐH ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm 5, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm 5, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay anh Tuấn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý – Cục C10, Bộ Công an.

(Chị P có mặt; Anh T vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên toà nguyên đơn chị Hoàng Thị Phong trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh T tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên vào ngày 03/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh T sa vào tệ nạn nghiện ma tuý, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Khi chị khuyên bảo thì

anh Tuấn không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Để có tiền tiêu xài, sử dụng ma túy, anh T thường xuyên mang đồ đặc trong gia đình đi bán. Đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị đưa đi cải tạo nhưng không có chuyển biến gì. Lần gần đây nhất, vào tháng 7/2022, anh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên xử phạt 30 tháng tù giam và hiện tại đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý, Cục C10 Bộ Công An. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh T không chịu từ bỏ ma túy, tình cảm vợ chồng đến nay không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Tuấn có 02 con chung là cháu Trần Trà M, sinh ngày 22/6/2014 và Trần Tuyết M, sinh ngày 09/9/2016. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, bị đơn anh Trần Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận như chị P trình bày là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng anh hoà thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ năm 2020 do anh nghiện ma túy, thường xuyên lấy đồ đặc của gia đình bán để mua ma túy về sử dụng. Chị P có khuyên giải nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, xô sát, khiến chị P cũng chán nản. Tháng 7/2022 anh vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời điểm hoà giải, anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Hiện anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý, Cục C10 Bộ Công An. Nay chị Phong có đơn xin ly hôn, nguyện vọng của anh là mong Toà án hoà giải cho vợ chồng anh đoàn tụ để có cái có bố có mẹ. Trường hợp chị P cương quyết ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị P có 02 con chung là cháu Trần Trà M, sinh ngày 22/6/2014 và Trần Tuyết M, sinh ngày 09/9/2016. Trường hợp chị P cương quyết ly hôn, anh đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, anh đề nghị được nuôi cháu lớn là Trần Trà M. Hiện nay anh đang bị tạm giam, chuẩn bị đi chấp hành án phạt tù, thời gian anh vắng nhà, anh đề nghị giao con cho mẹ của anh (bà Trần Thị B) tạm thời giúp anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trà M đến khi anh ra trại thì anh sẽ trực tiếp nuôi con. Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 96, 97 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị P được ly hôn anh T

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị Phong và anh Tuấn có 02 con chung là cháu Trần Trà M , sinh ngày 22/6/2014 và Trần Tuyết M , sinh ngày 09/9/2016. Khi ly hôn, đề nghị giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tuấn do chị Phong không có yêu cầu.

- *Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- *Quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, bị đơn anh Trần Mạnh T có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Mạnh T vắng mặt lần thứ hai (do đang chấp hành án phạt tù), nhưng được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2.2]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Trần Mạnh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/12/2012, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, nhiều lần vi phạm pháp luật, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện nay anh T bị Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý, Cục C10 Bộ Công An. Anh T cũng thừa nhận sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nghiện ma túy, chị P có khuyên giải nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh, chuẩn bị đi chấp hành án phạt tù, chị P có đơn ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con cái có bố, có mẹ, không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phong, anh Tuấn tại gia đình anh Tuấn và được cung cấp: Sau khi kết hôn, anh T chị P sống cùng gia đình. Kết hôn năm 2012, đến năm 2015 thì anh Tuấn mắc nghiện ma túy, đã được vợ và gia đình khuyên giải nhiều nhưng không từ bỏ được. Quá trình nghiện ma túy anh T hay mang đồ đạc của gia đình đi bán để lấy tiền sử dụng ma túy. Còn việc lo lắng kinh tế trong gia đình thì do anh T nghiện ma túy nên không làm được ở đâu lâu, kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào lương của tôi và lương của chị P đi làm để chăm sóc, nuôi dưỡng, lo ăn học cho các cháu. Nay chị P xin ly hôn, gia đình mong anh chị đoàn tụ nếu không được thì tùy thuộc vào quyết định của chị P .

Xác minh tại Công an xã Phúc Thuận – nơi chị Phong, anh Tuấn cư trú được cung cấp thông tin: Anh Trần Mạnh T là nhân khẩu trong hộ khẩu tên chủ hộ là bà Trần Thị Bích (mẹ anh T), nơi thường trú xóm 5, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh T có nhân thân xấu: Từ năm 2008 đến nay vi phạm pháp luật, từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng (năm 2020); Ngoài ra từng bị Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, Toà án nhân dân thị xã nay là thành phố Phổ Yên) xử phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 14/7/2022, Công an xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 23/7/2022 bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên khởi tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại bản án số 145/HSST ngày

10/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hồ Yên đã xử phạt Trần Mạnh T 30 tháng tù. Hiện anh T đang chấp hành án phạt tù.

Quá trình hoà giải anh T cương quyết không đồng ý ly hôn, nhưng đã thừa nhận trong quá trình chung sống không lo toan cho gia đình, thừa nhận có bán tài sản của chị Phong. Nguyên vọng xin đoàn tụ và không đồng ý ly hôn của anh Tuấn là chính đáng. Tuy nhiên, từ khi còn chung sống anh Tuấn đã không quan tâm đến gia đình và các con, dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc, không là chỗ dựa cả về vật chất và tinh thần của chị Phong trong cuộc sống.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương nơi chị P anh T cư trú, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Phong, anh T đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phong là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn với anh T để giải thoát cho cả hai.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Phong và anh Tuấn có 02 con chung là cháu Trần Trà M, sinh ngày 22/6/2014 và Trần Tuyết M, sinh ngày 09/9/2016.

Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các đương sự Hội đồng xét xử thấy Chị Phong đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con. Anh T đề nghị mỗi người nuôi dưỡng một con, anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trà M. Tuy nhiên, hiện nay anh đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý – Cục C10, Bộ Công an nên đề nghị Toà án giao con cho mẹ anh là bà Trần Thị B thay anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi anh ra trại sẽ trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Phong cấp dưỡng nuôi con.

Tại lời khai cháu Trần Trà M thể hiện quan điểm được tiếp tục ở với mẹ do mẹ nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của cả chị P, anh T đều là thực tâm, xuất phát từ tình cảm và trách nhiệm của cha mẹ đề đối với các con chung. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần của trẻ em trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các con. Tuy nhiên, xét về mặt thời gian, điều kiện chăm sóc

con chung, hiện nay anh T đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ngọc Lý, không có điều kiện để chăm sóc con chung, anh T cho rằng giao con cho mẹ anh nuôi dưỡng thay anh trong thời gian anh chấp hành án. Theo quy định tại Điều 69, Điều 72 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con là của cha, mẹ chứ không phải của ông bà; ông, bà chỉ là người hỗ trợ, giúp đỡ. Nguyên vọng nuôi con của chị P là chính đáng, còn anh T hiện đang đi cải tạo, không trực tiếp ở nhà chăm sóc cháu con chung, thuộc trường hợp “*người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, đề nghị giao con cho anh T không được chấp nhận. Chị P hiện nay làm việc tại công ty TNHH Canon VN, có thu nhập bình quân ổn định từ 7.000.000đ/tháng đến 8.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Do đó, cần chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị P, giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị Phong có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị P đối với anh Trần Mạnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P được ly hôn với anh Trần Mạnh T.

2. *Về con chung*: Giao cả hai con chung: Cháu Trần Trà M , sinh ngày 22/6/2014 và Trần Tuyết M , sinh ngày 09/9/2016, cho chị Hoàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị Phong có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. *Về nợ chung, cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị P được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, theo biên lai số 0002487 ngày 15/11/2022. Xác nhận chị P đã nộp đủ.

6. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị P tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị đơn (anh T) tại phiên tòa. Báo cho biết, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận (ĐKKH số 154, ngày 03/12/2012);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

